TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HS-ST
Ngày 08 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt và bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuần - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Tùng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Tấn L, sinh ngày 08//9/1990, nơi sinh: Xã C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ I, Ấp P, xã C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; vợ là Khấu Thị Diễm M, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 8 năm 2025 đến nay (có mặt).

2. Võ Quốc V, sinh ngày 15/3/1991, nơi sinh: Xã P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Võ Thành N, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1974; có vợ Nguyễn Thị L1, sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 8 năm 2025 đến nay (có mặt).

- *Người liên quan*:

1. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số F, Cách mạng

Tháng 8, tổ A, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Bích T2, sinh năm 1986. Nơi cư trú: số B, Trần Quang D, phường L, An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 5 năm 2020, Đỗ Duy L2 thành lập 267 pháp nhân để thực hiện hành vi in ấn, xuất bán trái phép 44.911 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung, không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo (hóa đơn GTGT khống), với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế là 5.388.735.003.733 đồng. Trong số hóa đơn GTGT khống L2 bán, thì Nguyễn Văn D1 đã mua 10.507 tờ hóa đơn GTGT khống, để bán lại cho những người không rõ họ tên, xuất cho 180 doanh nghiệp trên nhiều địa bàn trong nước 3.005 tờ hóa đơn GTGT khống trong đó, có địa bàn tỉnh An Giang.

Từ ngày 02 tháng 10 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2018, Phạm Tấn L là nhân viên của Công ty Cổ phần Ô - Chi nhánh A (nay là Công ty TNHH T3), địa chỉ đường T, phường M, tỉnh An Giang, được phân công nhiệm vụ mua phụ tùng, dụng cụ, dung dịch, phụ gia và dịch vụ liên quan đến xe ô tô tải để phục vụ công tác vệ sinh, sửa chữa xe cho khách hàng. Do có một số trường hợp không có hóa đơn GTGT theo quy định, cần hợp thức hóa chứng từ để thanh toán với Công ty Ô, nên Tấn L đã liên hệ với Võ Quốc V để tìm mua hóa đơn GTGT khống, thì V đồng ý và tìm thông tin mua hóa đơn GTGT khống qua mạng xã hội, sau đó liên hệ theo số điện thoại đăng trên mạng xã hội, người không rõ họ tên, địa chỉ thông báo có bán hóa đơn GTGT với giá từ 4% – 5% giá trị ghi trên hóa đơn. V báo giá cho Tấn L, thì Tấn L đồng ý mua và lập bảng kê nội dung cần ghi trên tờ hóa đơn GTGT, gửi qua Zalo cho V, đồng thời yêu cầu V tính thêm phần giá trị để tổng chi phí mua hóa đơn tương ứng khoảng 5%, như đã thỏa thuận, rồi V chuyển thông tin cho bên bán hóa đơn để tính toán, khi bên bán thông báo giá thực tế từ 4%–4,5%, V tự ý cộng thêm từ 0,19%–0,4% giá trị hàng hóa, để hưởng chênh lệch khi bán hóa đơn lại cho Tấn L. Sau khi nhận được hóa đơn GTGT bản gốc, V gửi cho Tấn L qua bưu điện hoặc xe khách. Với cách thức trên, Tấn L đã thông qua V mua 80 tờ hóa đơn GTGT khống, do 03 công ty của Duy L2 lập, gồm: 75 tờ hóa đơn khống của Công ty trách nhiệm hữu hạT3 (TNHH) Ô tô Anh H, 03 tờ hóa đơn khống của Công ty TNHH T3, 02 tờ hóa đơn khống của Công ty TNHH T3, xuất cho Công ty Cổ phần Ô - Chi nhánh A, với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế là 355.023.000 đồng, thuế GTGT là 35.502.300 đồng, tổng số tiền thanh toán

390.525.300 đồng. Số tiền thanh toán mua hóa đơn, L2 đã 05 lần dùng tài khoản cá nhân số 0151000572848 mở tại Ngân hàng V1 chuyển khoản cho V, với tổng số tiền mỗi lần từ 17.386.780 đồng đến 17.434.300 đồng. Trong đó, L2 hưởng lợi từ việc chênh lệch giá mua hóa đơn GTGT khống so với số tiền V tính thêm để đủ 5% tiền mua hóa đơn GTGT khống là 3.905.253 đồng, còn V hưởng lợi 989.883 đồng.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh An Giang còn những người chưa rõ nhân thân đã mua hóa đơn khống của các công ty mà Duy L2 thành lập để cung cấp cho Trung tâm Q thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng A1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 02 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng H1 và Dịch vụ L3 – Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng Bảo dưỡng và Dịch vụ H2 – Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng H1 và Dịch vụ C – Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 02 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng T4 - Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Cửa hàng T5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty Cổ phần T3 04 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty Cổ phần T3 02 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty Cổ phần D2 03 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty TNHH MTV T3 02 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty TNHH T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty TNHH MTV T3 01 tờ hóa đơn GTGT khống; Công ty Cổ phần T6 - Chi nhánh X 05 tờ hoá đơn GTGT khống.

* Vật chứng, tài sản thu giữ: Võ Quốc V nộp 2.000.000 đồng, Phạm Tấn L nộp 3.905.253 đồng.

Cáo trạng số 42/CT-VKSKV9, ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang truy tố các bị cáo Phạm Tấn L và Võ Quốc V về tội "In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử

phạt bị cáo Phạm Tấn L hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Võ Quốc V hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng.

Áp dụng Điều Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Tấn L nộp 3.905.253 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Quốc V nộp 989.883 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại bị cáo Võ Quốc V số tiền nộp thừa 1.100.117 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Tấn L và Võ Quốc V thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy người có liên quan đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo L, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người có liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và

hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ ngày 02 tháng 10 năm 2017 đến ngày 11 tháng 9 năm 2018, Võ Quốc V mua của người không rõ nhân thân, để bán lại cho Phạm Tấn L 80 tờ hóa đơn giá trị gia tăng khống của Công ty TNHH T3 H, Công ty TNHH T3, Công ty TNHH T3 xuất cho Công ty Cổ phần Ô - Chi nhánh A, tổng trị giá hàng hoá dịch vụ trước thuế 355.023.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 35.502.300 đồng, tổng thành tiền thanh toán 390.525.300 đồng. Trong đó, Tấn L hưởng lợi 3.905.253 đồng, V hưởng lợi 989.883 đồng.

Đối với Đỗ Duy L2 đã chết, Nguyễn Văn D1 đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử ngày 29 tháng 8 năm 2025, về tội "Mua bán trái phép hóa đơn". Những người không rõ nhân thân, đã mua hóa đơn giá trị gia tăng khống của Đỗ Duy L2, Nguyễn Văn D1 để bán cho V, cung cấp hóa đơn khống cho các Công ty trên địa bàn tỉnh An Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo Võ Quốc V mua rồi bán lại cho Phạm Tấn L 80 tờ hóa đơn giá trị gia tăng khống của Công ty TNHH T3 H, Công ty TNHH T3, Công ty TNHH T3 xuất cho Công ty Cổ phần Ô - Chi nhánh A đã phạm vào tội "In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý hoá đơn, chứng từ do Nhà nước phát hành và trật tự quản kinh tế Nhà nước. Bị cáo L làm thủ kho của công ty, vì cần hợp thức hoá chứng từ cho số hàng hoá mua trên thị trường không có hoá đơn chứng từ nên nhờ V mua giúp, cả hai bị cáo có được một phần lợi nhuận nhưng số tiền không lớn, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, đều là người thực hành. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm do các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo V nộp lại số tiền thu lợi bất chính, có cha vợ tham gia cách mạng; Bị cáo L nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đang nuôi 02 con nhỏ, có 01 con nhỏ bị khuyết tật nhẹ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, việc xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tiền là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất và mức độ ngang nhau nên Hội đồng xét xử phạt hai bị cáo cùng mức hình phạt tiền.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Bị cáo L tự nguyện nộp 3.905.253 đồng để nộp lại tiền thu lợi bất chính nên ghi nhận sự tự nguyện. Bị cáo V tự nguyện nộp 2.000.000 đồng để nộp lại tiền thu lợi bất chính 989.883 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện, trả lại bị cáo V số tiền nộp thừa 1.100.117 đồng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tấn L, Võ Quốc V phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”,

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Phạm Tấn L số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Võ Quốc V số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Tấn L tự nguyện nộp 3.905.253

đồng (Ba triệu, chín trăm lẽ năm ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng) tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước; ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo V nộp 989.883 đồng (Chín trăm tám mươi chín ngàn, tám trăm tám mươi ba đồng) tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước, trả lại bị cáo V số tiền nộp thừa 1.100.117 đồng (Một triệu, một trăm ngàn, một trăm mười bảy đồng).

(Số tiền trên hiện do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo uỷ nhiệm chi số 841/3806 ngày 15/12/2025 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an tỉnh A chuyển khoản qua Kho bạc Nhà nước khu vực XX)

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Tấn L, Võ Quốc V mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo trong vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 9 – An Giang (1);
- Phân trại tạm giam KVCM (PC11);
- Phòng THADS KHU VỰC 9–AG;
- Bộ phận THA.HS;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn